

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/DS-ST
Ngày 25 – 8 - 2017
V/v: tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc - là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
(vắng mặt).

Trong các ngày 26 tháng 7 năm 2017 và ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2017/QĐXXST-DS ngày 07/6/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960

(có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1971

(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, Tp C, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1971

(xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2017 và lời trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông và ông Nguyễn Quốc H thỏa thuận với nhau về việc, ông H thay mặt ông giao dịch và bán tôm nguyên liệu cho Công ty TNHH L, sau đó ông H nhận tiền bán tôm từ Công ty rồi giao lại cho ông theo số lượng tôm từng lô đã bán. Khi thực hiện công việc này, ông H được hưởng tiền hoa hồng là 2.000đ/kg tôm nguyên liệu. Từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 10 năm 2015, ông đã giao cho ông H tổng cộng là 5.005,25 kg tôm nguyên liệu các loại, ông Khởi đã nhận và bán vào Công ty TNHH L được tổng cộng là 934.991.940đ. Sau khi nhận được tiền, ông H cho rằng

Doanh nghiệp kẹt tiền nên không có tiền giao cho ông. Đến ngày 20/10/2015 thì ông H bỏ trốn. Ông đã yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cà Mau xem xét xử lý đối với ông H. Trong quá trình cơ quan Công an giải quyết, qua đối chiếu sổ sách và đối chất với ông H, ông H cũng đã thừa nhận chưa giao cho ông số tiền 934.991.940đ từ việc bán tôm nguyên liệu nhưng Công an tỉnh Cà Mau cho rằng hành vi của ông H không cấu thành tội phạm nên không khởi tố vụ án hình sự và cho ông và ông H thỏa thuận trả nợ. Tính đến ngày 28/6/2016 dương lịch, ông H đã trả được tổng cộng là 543.000.000đ, còn thiếu 391.991.940đ. Do ông H không giao tiền cho ông đúng thời hạn nên vào ngày 24/4/2016, ông phải đi vay tiền của người khác với lãi suất 1,5%/tháng. Vì vậy, ngày 28/6/2016, tại Công an tỉnh Cà Mau, ông H và ông đã thỏa thuận rằng ông H có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn thiếu là 391.991.940đ và 81.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 24/4/2016 cho đến ngày 28/6/2016. Việc thỏa thuận này có lập thành biên bản. Sau đó, ngày 25/6/2016 âm lịch nhằm ngày 28/7/2016 dương lịch, ông H trả được 40.000.000đ, ngày 28/7/2016 âm lịch nhằm ngày 30/8/2016 dương lịch trả tiếp được 40.000.000đ, và ngày 12/9/2016 âm lịch, nhằm ngày 12/10/2016 dương lịch, trả thêm được 40.000.000đ, tổng cộng ông H trả thêm được 120.000.000đ. Ông cũng đồng ý trả tiền hoa hồng cho ông H ở lô hàng này là 10.000.000đ. Như vậy, sau khi đối trừ, ông H phải trả cho ông 261.991.940đ và tiền lãi tổng cộng từ ngày 19/10/2015 cho đến nay là 81.000.000đ, tổng cộng là 342.991.940đ.

Ông H còn cho rằng, do không biết rõ quy định của pháp luật nên vợ ông là bà D không cùng đứng nguyên đơn để khởi kiện để đòi tiền ông H nhưng ông xác định đây là tiền chung của vợ chồng nên yêu cầu ông H thanh toán cho ông và bà D.

Tại bản tự khai và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ngọc D trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà thống nhất với việc trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn K về việc ông H còn nợ 271.991.940đ và lãi phát sinh là 81.000.000đ, tổng cộng là 352.991.940đ. Đây là tài sản chung của vợ chồng bà, do không am hiểu pháp luật nên bà D không cùng đứng đơn khởi kiện ông H nay bà yêu cầu ông H có trách nhiệm trả số nợ trên cho vợ chồng bà.

Ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 10/4/2017, 17/4/2017, 11/5/2017, 30/6/2017, 26/7/2017 nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử

vắng mặt bà nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông H vẫn cố tình trốn tránh nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điều 207, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Quốc H thỏa thuận với nhau về việc ông H đại diện cho ông K để thực hiện công việc bán tôm nguyên liệu cho công ty TNHH L và nhận tiền bán tôm về giao cho ông H, ông H được hưởng số tiền 2.000đ/kg tôm nguyên liệu. Khi nhận được tiền bán tôm, ông H không giao tiền lại theo thỏa thuận nên ông K kiện ông H yêu cầu giao lại số tiền bán tôm là tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo quy định tại điều 518, 522 Bộ luật dân sự năm 2005, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, việc ông K cho rằng, từ chiều ngày 16/10/2015 cho đến ngày 19/10/2015, ông giao cho ông H tổng cộng là 5.005,25 kg tôm nguyên liệu, ông H đã bán số tôm này cho công ty TNHH L với tổng giá trị là 934.991.940đ, ông H đã nhận tiền nhưng không giao lại cho ông là phù hợp với các tờ tường thuật, tờ tự khai, các lời khai của ông H tại cơ quan công an (bút lục từ số 44 đến số 63), phù hợp với Bảng kê tính giá trị tôm nguyên liệu của Công ty TNHH L (bút lục từ số 103 đến số 106) nên có cơ sở chấp nhận. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản thể hiện ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ vào Biên bản về việc cam kết khắc phục hậu quả ngày 28/6/2016 của ông H tại Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau (bút lục số 10) thì có cơ sở xác định, tính đến ngày 28/6/2016, ông H đã trả cho ông K được tổng cộng là 543.000.000đ, còn thiếu 391.991.940đ. Và căn cứ vào lời trình bày của ông K, sau ngày 28/6/2016, ông H trả thêm được 03 lần tổng cộng 120.000.000đ nên ông K yêu cầu ông H phải trả cho ông 271.991.940đ là có cơ sở chấp nhận.

Ông H vi phạm nghĩa vụ không giao tiền cho ông K đúng thời hạn như đã thỏa thuận, làm cho ông K phải chịu lãi phát sinh khi phải đi vay tiền ở nơi khác để tiếp tục kinh doanh nên ông H phải bồi thường các khoản lãi phát sinh theo yêu cầu của ông K. Ông K yêu cầu ông H bồi thường khoản lãi phát sinh tổng cộng là 81.000.000đ là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ngoài ra, ông K cũng đồng ý đối trừ tiền hoa hồng mà ông H được hưởng ở lô hàng này là 10.000.000đ, đây là sự tự nguyện của ông K, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Mặc dù bà D không đứng tên trong đơn khởi kiện nhưng ông K và bà D đều xác định khoản tiền này là tài sản chung của ông bà, việc bà D và ông K yêu cầu ông H thanh toán số tiền trên cho ông bà cùng nằm trong phạm vi khởi kiện và đã được ông K đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định nên ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông K và bà D tổng cộng là 342.991.940đ.

[5] Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định, ông K không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 518, 522 và khoản 4 Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Buộc ông Nguyễn Quốc H thanh toán cho ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị Ngọc D số tiền 342.991.940đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu chín trăm chín mươi một ngàn chín trăm bốn mươi đồng chẵn).

Kể từ ngày ông K và bà D có đơn yêu cầu thi hành án, ông H phải thanh toán xong các khoản tiền nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông H phải nộp 17.149.000đ (chưa nộp). Ông K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.824.000đ theo biên lai thu số 0002837 ngày 23/3/2017 khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H và bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Hà Trọng Tâm

Lê Thị Kim Oanh

Huỳnh Thanh Hùng

